

**Phụ lục I**

**PHÍ THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN**

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống</b>					
<b>1</b>	<b>Đối tượng nộp phí</b>					
	Tất cả các tổ chức kinh tế, các Ban quản lý (BQL) rừng phòng hộ, đặc dụng, các cá nhân, hộ gia đình là chủ các nguồn giống lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm:					
-	Vườn giống cây lâm nghiệp					
-	Rừng giống					
-	Cây mẹ					
-	Cây đầu dòng					
<b>2</b>	<b>Nội dung thu phí</b>					
<b>a</b>	<b>Các cá nhân, tổ chức đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng</b>					
-	Đối với những tổ chức, cá nhân có dưới 10 cây mẹ, cây đầu dòng	đồng/01 lần	1.500.000	90%	10%	
-	Đối với những tổ chức, cá nhân có từ 10 đến dưới 30 cây mẹ, cây đầu dòng	đồng/01 lần	2.000.000	90%	10%	
-	Đối với những tổ chức, cá nhân có từ 30 đến 50 cây mẹ, cây đầu dòng	đồng/01 lần	2.500.000	90%	10%	
-	Đối với những tổ chức, cá nhân có trên 50 cây mẹ, cây đầu dòng	đồng/01 lần	3.000.000	90%	10%	
<b>b</b>	<b>Các cá nhân, tổ chức đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình tuyến, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp</b>	đồng/01 lần	2.400.000	90%	10%	
<b>c</b>	<b>Các cá nhân, tổ chức đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bình tuyến, công nhận rừng giống</b>					
-	Đối với những tổ chức, cá nhân có dưới 5 ha	đồng/01 lần	4.500.000	90%	10%	
-	Đối với những tổ chức, cá nhân có từ 5 - 10 ha	đồng/01 lần	5.500.000	90%	10%	
-	Đối với những tổ chức, cá nhân có trên 10 ha	đồng/01 lần	7.500.000	90%	10%	

